

Số: 2230/QĐ-UBND

An Dương, ngày 04 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thống nhất phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp  
và xếp lương giáo viên Tiểu học**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo: số 02/2021/TT-BGD&ĐT ngày 02/02/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học công lập; số 08/2023/TT-BGDĐT ngày 14/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT, 02/2021/TT-BGDĐT, 03/2021/TT-BGDĐT, 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02/02/2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập;

Căn cứ Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 02/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định một số nội dung về quản lý tổ chức bộ máy, quản lý viên chức và lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Công văn số 5724/UBND-VX ngày 16/8/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông; Ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 4323/VP-VX ngày 26/6/2024 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về việc nguyên tắc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với viên chức giáo viên gặp khó khăn, vướng mắc theo các Thông tư của Bộ giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Kế hoạch số 207/KH-UBND ngày 06/10/2023 của Ủy ban nhân dân huyện về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, phổ thông theo các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Đại Bản I tại Tờ trình số 214/TTr-THĐBI ngày 04/7/2024; đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thống nhất phương án bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên thuộc Trường Tiểu học Đại Bản I.

(Có danh sách cụ thể kèm theo)

**Điều 2.** Hiệu trưởng Trường Tiểu học Đại Bản I có trách nhiệm ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp và xếp lương đối với giáo viên trực thuộc theo quy định và phương án đã thống nhất.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Hiệu trưởng Trường Tiểu học Đại Bản I, thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, NV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Phạm Việt Hùng

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN DUƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN**

Đề xuất bổ nhiệm lại chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức giáo viên theo quy định tại thời điểm tuyển dụng từ ngày 03/11/2015 đến trước ngày 20/3/2021 Trường Tiểu học Đại Bản I  
(Kèm theo Quyết định số 2230/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

ST T	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn đào tạo		Thời gian tuyển	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG						CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI						Ghi chú
			Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp		Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Thời gian hưởng	Mốc xét nâng bậc lương lần sau	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mốc xét nâng bậc lương lần sau		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
1	Bùi Biên Phòng	25/4/1982	CNGDTH	28/6/2018	01/04/2019	V.07.03.07	2	2,67	9/2022	9/2022	V.07.03.29	1	2,34	0,33	7/2024	3/2023		
2	Cao Thị Thu	25/6/1991	CĐGDTH; CNGDTH	02/07/2012; 18/5/2021	01/10/2015	V.07.03.08	3	2,72	01/2022	01/2022	V.07.03.29	2	2,67	0,05	7/2024	7/2023		
3	Nguyễn Thị Hiền	04/11/1991	CĐGDTH; CNGDTH	14/12/2012; 16/7/2021	01/10/2015	V.07.03.08	3	2,72	01/2022	01/2022	V.07.03.29	2	2,67	0,05	7/2024	7/2023		
4	Vũ Thị Thoa	02/12/1990	CĐGDTH; CNGDTH	04/09/2014; 18/5/2021	01/10/2015	V.07.03.08	3	2,72	01/2022	01/2022	V.07.03.29	2	2,67	0,05	7/2024	7/2023		
5	Bùi Thị Cúc	27/12/1989	CĐGDTH; CNGDTH	20/12/2011; 18/5/2021	01/10/2015	V.07.03.08	3	2,72	01/2022	01/2022	V.07.03.29	2	2,67	0,05	7/2024	7/2023		



ST T	HỌ VÀ TÊN	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn đào tạo			Thời gian tuyển	LƯƠNG HIỆN HƯỞNG										CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VÀ XẾP LƯƠNG MỚI					Ghi chú
			Trình độ	Ngày, tháng năm tốt nghiệp	Mã số chức danh nghề nghiệp		Bậc	Hệ số	Thời gian hưởng	Mức xét nâng bậc lương lần sau	Mã số chức danh nghề nghiệp	Bậc	Hệ số	Hệ số chênh lệch bảo lưu	Thời gian hưởng	Mức xét nâng bậc lương lần sau						
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18				
6	Bùi Thị Tú Anh	24/12/1993	CĐGDTH; CNGDTH	01/07/2014; 18/5/2021	01/10/2015	V.07.03.08	3	2,72	7/2021	7/2021	7/2021	V.07.03.29	2	2,67	0,05	7/2024	1/2023					
7	Trần Thị Thanh	29/9/1978	DH T Anh; CBDGDTH	03/10/2001; 19/8/2019	01/03/2020	V.07.03.08	2	2,41	12/2023	12/2023	12/2023	V.07.03.29	1	2,34	0,07	7/2024	7/2024					
8	Phạm Thị Nga	31/10/1994	CNGDTH	25/7/2016	01/08/2018	V.07.03.07	3	3,00	7/2023	7/2023	7/2023	V.07.03.29	2	2,67	0,33	7/2024	7/2024					
9	Hứa Thị Mến	20/9/1993	CN GDTH	12/6/2017	01/08/2018	V.07.03.07	2	2,67	02/2022	02/2022	02/2022	V.07.03.29	1	2,34	0,33	7/2024	2/2023					
10	Nguyễn Thị Oanh	09/4/1988	CĐGDTH; CNGDTH	19/08/2019; 12/7/2022	01/03/2020	V.07.03.08	2	2,41	12/2023	12/2023	12/2023	V.07.03.29	1	2,34	0,07	7/2024	7/2024					
11	Nguyễn Thị Diễm	30/9/1988	CĐGDTH; CNGDTH	19/08/2019; 24/5/2024	01/09/2020	V.07.03.08	2	2,41	6/2024	6/2024	6/2024	V.07.03.29	1	2,34	0,07	7/2024	7/2024					